

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thị Amina;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1979.

Trú tại: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trần Phi H, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị C, anh H có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trần Phi H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do anh H không chí thú làm ăn mà thường xuyên uống rượu, dùng lời lẽ khó nghe xúc

phạm nhân phẩm và đánh đập gây thương tích cho chị C. Vì thương chồng, con nên chị đã cố gắng chịu đựng nhiều năm qua nhưng anh H không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Phi H, sinh ngày 06/5/1998, Trần Phi M, sinh ngày 21/9/2005 và Trần Ngọc G, sinh ngày 06/02/2014. Hiện cháu H đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M và cháu G, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Trần Phi H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị C về thời gian anh chị chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Quá trình chung sống anh H thừa nhận giữa anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi vã nhau, nguyên nhân chủ yếu là do chị C thường xuyên chơi facebook đến 01 giờ, 02 giờ sáng, anh sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của chị mới khuyên can nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Ngoài ra anh thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu, ghen tuông có đánh đập chị C, nhưng vẫn chăm lo cho vợ con. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con và theo anh mâu thuẫn giữa anh chị cũng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn.

- Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị C về con chung, nếu ly hôn thì anh giao cả 03 con chung cho chị C nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H. Về con chung cháu H đã tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin nuôi cháu Trần Ngọc G, giao cháu Trần Phi M cho anh H nuôi dưỡng, chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Phi H xin đoàn tụ vì còn thương vợ con, nếu tòa cho ly hôn thì anh xin nuôi cháu M và cháu G không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 9; 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Pháp lệnh lệ phí, án phí. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc C đối với anh Trần Phi H.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Phi M cho anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trần Ngọc G cho chị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu G.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh luận đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trần Phi H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C trình bày giữa chị và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh H thường xuyên uống rượu và đánh chị C. Anh H cũng thừa nhận trong thời gian chung sống anh có uống rượu và có đánh chị C. Hiện anh, chị đã sống ly thân điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C với anh H là có cơ sở phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân chị C xin ly hôn là do anh H không chí thú làm ăn mà thường xuyên uống rượu, dùng lời lẽ khó nghe xúc phạm nhân phẩm và đánh đập chị C gây thương tích. Qua xác minh thì nguyên nhân mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng, giữa chị C và anh H đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Tại phiên tòa chị C trình bày không còn tình cảm gì với anh H, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cho nhau nên chị C xin ly hôn với anh H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng, anh có thể sửa đổi và lo cho vợ, con nhưng từ khi ly thân đến nay chị C vẫn không có ý định hàn gắn tình cảm vợ, chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc với anh H nên yêu cầu xin đoàn tụ của anh H là không có cơ sở và không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Chị C và anh H thống nhất có 03 con chung tên Trần Phi H, sinh ngày 06/5/1998, Trần Phi M, sinh ngày 21/9/2005 và Trần Ngọc G, sinh ngày 06/02/2014. Cháu H đã tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và giao cháu M cho anh H nuôi dưỡng. Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu G .

Anh H xin nuôi cháu M và cháu G không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị C và anh H ; Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện chị C có công việc, có thu nhập, cháu G là con gái cháu còn nhỏ nên cần có mẹ chăm sóc bên cạnh nên giao cháu cho chị C nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu G .

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị C và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trần Phi H . Chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Trần Phi H.

2. Về con chung: Cháu Trần Phi H, sinh ngày 06/5/1998 đã tự lao động sinh sống được, anh H, chị C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Giao cháu Trần Ngọc G, sinh ngày 06/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Trần Phi M, sinh ngày 21/9/2005 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi cháu M thành niên tự lao động sinh sống được, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 02/2018 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu G .

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C không chịu nộp số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng chị C còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn anh H , chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung . Chị C , anh H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trần Phi H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0024930 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Chị Nguyễn Thị Ngọc C còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hưng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm